

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **127 /2018/HS-PT**

Ngày: 08-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Tấn Lợi

Các thẩm phán: Ông Tô Phú Đông

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 99/2018/TLPT-HS ngày 07 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo Phan Thị Ngọc G (P).

Do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 10/2018/HS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phan Thị Ngọc G (P), sinh năm 1985, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Tổ 4, ấp 1, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở: không có chỗ ở nhất định; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 06/12, Dân tộc: Kinh, Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phan Văn D, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1966; Bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con lớn trong gia

đình; Chồng: Nguyễn Minh N, sinh năm 1981 (đã ly hôn); Có 02 người con: lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; Nhân thân: năm 2009 bị Tòa án nhân dân quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền án, tiền sự: không; Tạm giữ: 22/12/2017; Tạm giam: Ngày 31/12/2017. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp và có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 10/3/2017, anh Huỳnh Văn Bé T ngụ ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Long An cùng với bạn tên Nguyễn Hoàng M đến quán nhậu - Karaoke 70xx, thuộc tổ 2x, khóm 4, phường 11, thành C để uống bia. Tại đây, anh Bé T ngồi uống bia cùng với G và thỏa thuận G sẽ bán dâm cho anh Bé T 500.000 đồng/lần. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, G và anh Bé T đi bộ đến nhà trọ C ở tổ 2x, khóm 4, phường 11, thành phố C thuê phòng trọ số 11 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Sau khi quan hệ tình dục xong, khoảng 03 giờ cùng ngày, thấy anh Bé T nằm ngủ và bóp tiền (ví tiền) của anh Bé T để trên đầu giường nên G nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Bé T, G đến mở bóp tiền của anh Bé T ra phát hiện có giấy tờ tùy thân của anh Bé T và 27.000.000 đồng (tiền mệnh giá 500.000 đồng). G cầm lấy bóp tiền của anh Bé T rồi quấn khăn tắm đi ra khỏi phòng, tại thời điểm này anh Nguyễn Văn T1 (là tiếp tân nhà trọ) gặp G thì G nói ra mua nước uống. Khi anh T1 đi vào phòng trọ lấy nước trở ra thì G bỏ đi ra khỏi cửa nhà trọ, mở bóp lấy 27.000.000 đồng rồi bỏ lại bóp cùng giấy tờ tùy thân trước cửa nhà trọ.

Thấy khả nghi, anh T1 đi đến phòng trọ số 11 kêu anh Bé T thức dậy và thông báo với anh Bé T về việc G đã đi ra khỏi nhà trọ. Anh Bé T kiểm tra trong phòng trọ, phát hiện bị mất bóp tiền, nên đi ra khỏi phòng trọ để tìm G nhưng không gặp, anh Bé T tìm thấy bóp tiền của mình trước cửa nhà trọ cùng giấy tờ tùy

thân nên trình báo Công an phường 11, Công an phường 11 đến lập biên bản thu giữ của G 01 áo thun ngắn tay màu hồng, 01 áo lót màu đen, 01 quần ngắn màu xám, 01 quần lót màu hồng trong phòng trọ.

Sau khi chiếm đoạt được tiền, G trốn lên thành phố Hồ Chí Minh đến dịch vụ cầm đồ P, địa chỉ: 4xx, đường P, phường 14, quận Gò Vấp do anh Vũ Mạnh H1 làm chủ mua 01 xe mô tô hiệu Honda Vison màu đỏ, biển số 69L1-039.xx, số máy F33E-063618, số khung 3313Dyrr6559, người đứng giấy đăng ký xe tên Nguyễn Thị Ái M1, ngụ khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh C với số tiền 17.000.000 đồng, trả tiền điện thoại di động hiệu Oppo 37, số imei 863898037202150 mà G đã mua trước đó còn thiếu lại 4.200.000 đồng, số tiền còn lại G tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 22/12/2017, G đến Công an xã M, thành phố C đầu thú về hành vi trộm cắp tài sản của anh Bé T và giao nộp xe mô tô cùng điện thoại di động nêu trên để phục vụ điều tra.

Đối với xe mô tô hiệu Honda Vison màu đỏ, biển số 69L1-039.xx, số máy F33E-063618, số khung 3313DY556559 là tài sản của chị Nguyễn Thị Ái M1, ngụ khóm 8, thị trấn R, huyện N, tỉnh C, bị trộm ngày 22/6/2017, tại số 4x, đường T, phường 13, quận T, thành phố Hồ Chí Minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận T quản lý để điều tra giải quyết.

Tài sản còn quản lý của Phan Thị Ngọc G gồm:

- Đối với tài sản 01 áo thun ngắn tay màu hồng, 01 áo lót màu đen, 01 quần ngắn màu xám, 01 quần lót màu hồng là tài sản cá nhân của G. Tuy nhiên, G không yêu cầu nhận lại.

- Đối với điện thoại di động hiệu Oppo 37, số imei 863898037202150 là tài sản cá nhân của bị cáo G, cần trả lại cho G. Tuy nhiên, do G còn phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh Bé T, nên cần giao điện thoại cho Chi cục thi hành án dân sự thành phố C tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Phan Thị Ngọc G thống nhất bồi thường cho anh Bé T 27.000.000 đồng (nhưng chưa bồi thường) đồng thời G yêu cầu anh Vũ Mạnh H1 trả lại 17.000.000 đồng do xe là tài sản không hợp pháp.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 10/2018/HS-ST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố C đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Ngọc G phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Ngọc G 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/12/2017.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, bị cáo Phan Thị Ngọc G có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Thị Ngọc G về việc xin giảm nhẹ hình phạt, giữ nguyên quyết định của bản án hình sự sơ thẩm, do bị cáo G không cung cấp thêm tình tiết mới có cơ sở để được xem xét giảm nhẹ hình phạt ngoài các tình tiết giảm nhẹ đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, giải quyết.

Trong phần tranh luận bị cáo Phan Thị Ngọc G không có tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên như nêu trên, chỉ yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình lo cho các con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Phan Thị Ngọc G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung Cáo trạng đã truy tố thể hiện: Vào khoảng 01 giờ ngày 10/3/2017, anh Huỳnh Văn Bé T cùng với bạn Nguyễn Hoàng M đến quán nhậu - Karaoke 70xx, thuộc tổ 2x, khóm 4, phường 11, thành phố C để uống bia. Tại đây, bị cáo uống bia cùng với anh Bé T và thỏa thuận mua bán dâm với

anh Bé T giá 500.000 đồng/lần. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, bị cáo và anh Bé T đi bộ đến nhà trọ C ở tổ 2x, khóm 4, phường 11, thành phố C thuê phòng trọ số 11 để thực hiện hành vi mua bán dâm. Sau khi quan hệ tình dục xong, khoảng 03 giờ cùng ngày, thấy anh Bé T nằm ngủ say và bóp tiền (ví tiền) của anh để trên đầu giường nên bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh Bé T. Bị cáo lén lút mở bóp ra phát hiện có giấy tờ tùy thân của Bé T và nhiều tấm tiền mệnh giá 500.000 đồng. Bị cáo lén lút lấy bóp tiền của anh Bé T rồi đi ra khỏi cửa nhà trọ, mở bóp lấy 27.000.000 đồng rồi bỏ bóp lại cùng giấy tờ tùy thân trước cửa nhà trọ và bỏ trốn lên thành phố Hồ Chí Minh, đến ngày 22/12/2017 thì bị cáo đầu thú.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo G là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của chủ sở hữu, đã gây mất trật tự trị an và hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo trong độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng lại không chịu lao động chân chính để có thu nhập hợp pháp, chỉ vì muốn có tiền nhanh chóng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân bị cáo lợi dụng sự sơ sỏ trong quản lý tài sản của người khác đã lén lút chiếm đoạt của anh Bé T số tiền 27.000.000 đồng. Trong khi về nhân thân vào năm 2009 bị cáo bị Tòa án nhân dân quận 12, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản nhưng bị cáo không biết ăn năn hối lỗi, tích cực hoàn lương. Rõ ràng bị cáo nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo G về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng người, đúng tội và có căn cứ. Mức hình phạt mà án sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là không nặng, hoàn toàn phù hợp tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do bị cáo gây ra và đã cân nhắc, xem xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo G kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa bị cáo không xuất trình được những tình tiết mới ngoài các tình tiết mà án sơ thẩm đã xem xét. Nên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo G, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt.

[4] Do hành vi phạm tội của bị cáo G được thực hiện trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm

2015) có hiệu lực pháp luật (ngày 01/01/2018). So với quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội phạm hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (viết tắt là Bộ luật hình sự năm 1999) là tương ứng nhau và bằng nhau. Vào thời điểm xét xử sơ thẩm thì Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, việc Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng quy định Bộ luật hình sự năm 2015 để giải quyết trong vụ án này là phù hợp Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự năm 2015. Vì vậy áp dụng quy định Bộ luật hình sự năm 2015 trong việc giải quyết vụ án này.

[5] Từ những nội dung trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo G là có cơ sở, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của bị cáo G không được chấp nhận, nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phan Thị Ngọc G. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm về hình phạt.

Tuyên bố: Bị cáo Phan Thị Ngọc G phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Phan Thị Ngọc G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 22/12/2017.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Bị cáo Phan Thị Ngọc G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC (Vụ GD-KT1);
- VKSND Tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND – VKSND TP. C;
- Chi cục THADS TP. C;
- Cơ quan CSĐT CA TP. C;
- Trại Tạm giam Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an Tỉnh;
- Phòng KTNV-THA TA Tỉnh;
- Bị cáo, bị hại; Người có QLNVLQ;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Nghĩa).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Tấn Lợi